CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thống Nhất Hà Nội

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.0%	**2.0%**	**-**

DT thuần
Q2/25
61.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.5| 119%

LN thuần
Q2/25
1.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.15| 566%

LN sau thuế
Q2/25
0.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.20| 315%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.5%
YoY: +/-▲ 1.5%

ROE (TTM)
Q2/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,700 - 48,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	237
Số lượng CPLH (CP)	23,700,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,205
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.67
EPS	
P/E	

DT thuần
6T 2025
89.9
tỷ VNĐ

LN thuần
6T 2025
1.39
tỷ VNĐ

LN sau thuế
6T 2025
0.44
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

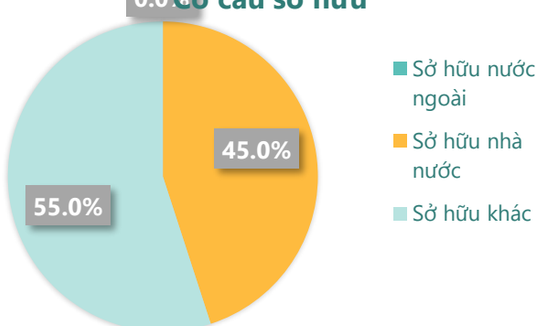

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

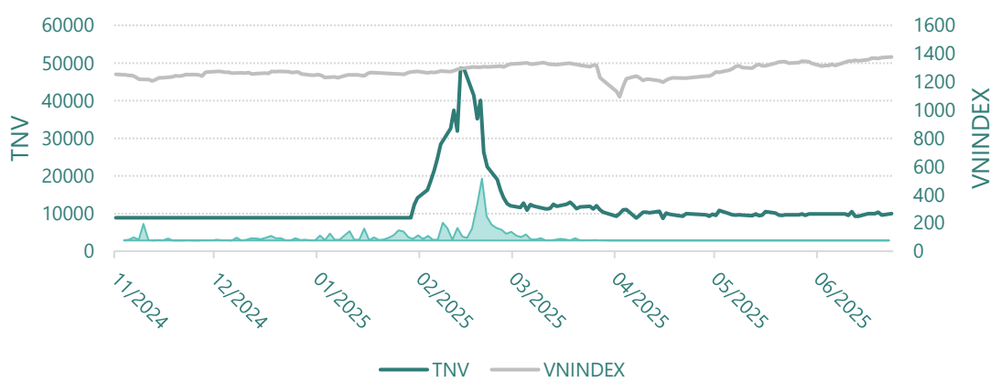

Cơ cấu cổ đông

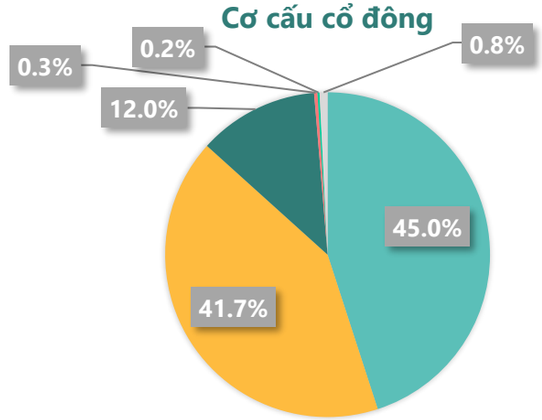



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

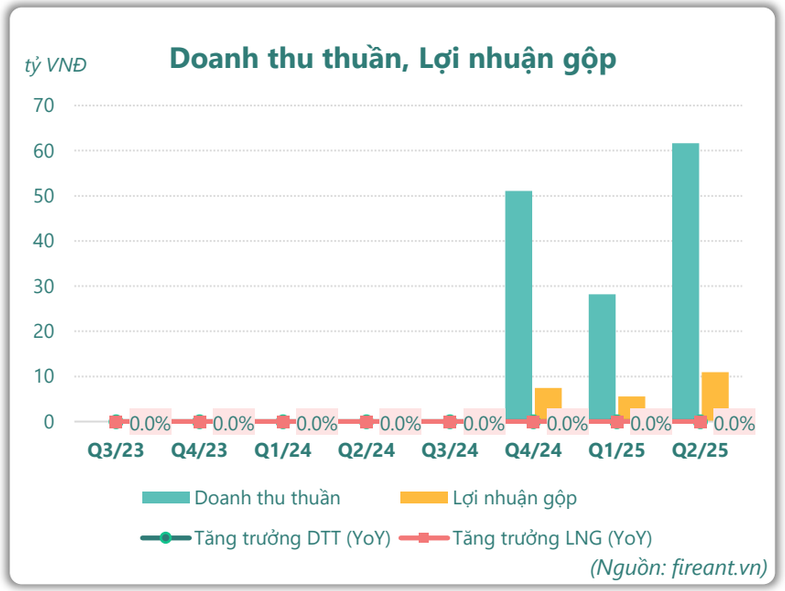

(Nguồn: fireant.vn)

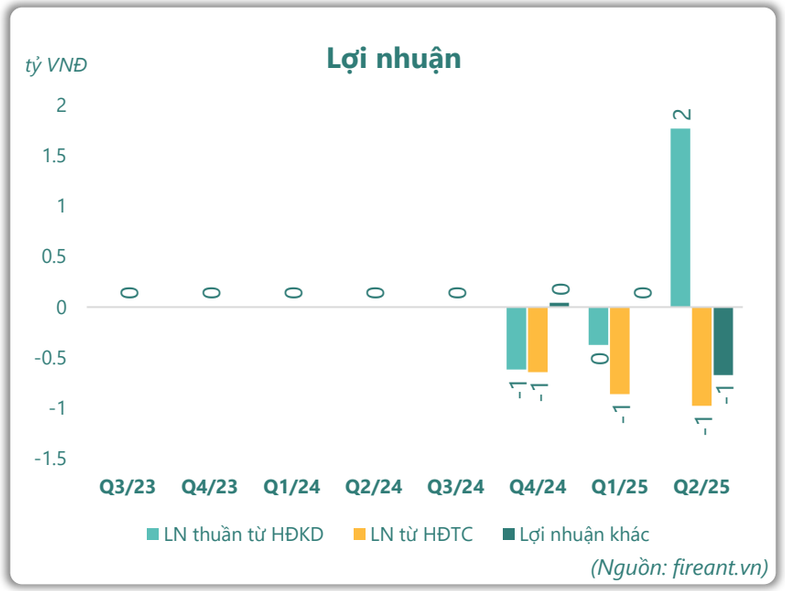

(Nguồn: fireant.vn)

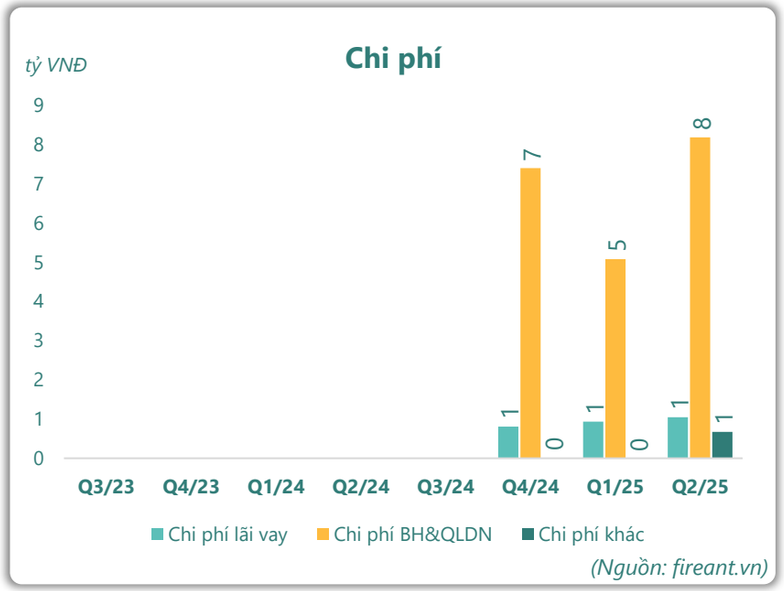

(Nguồn: fireant.vn)

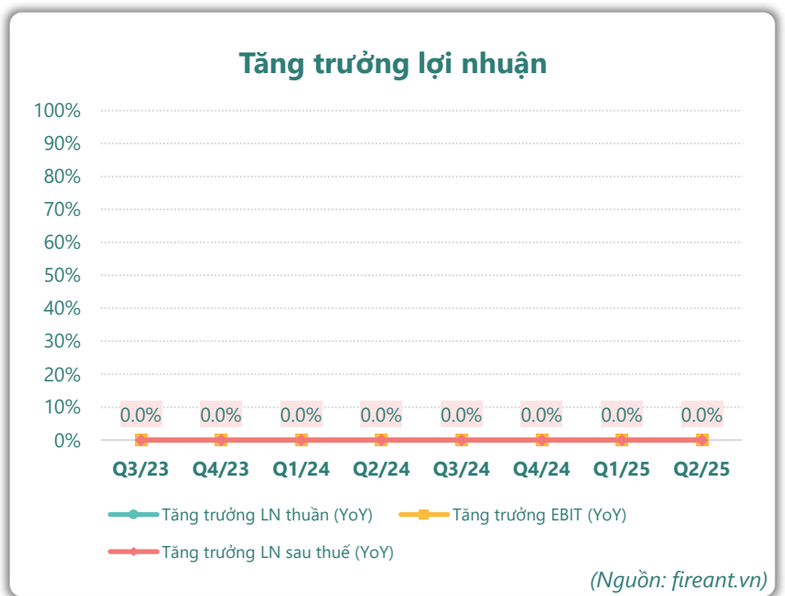

(Nguồn: fireant.vn)

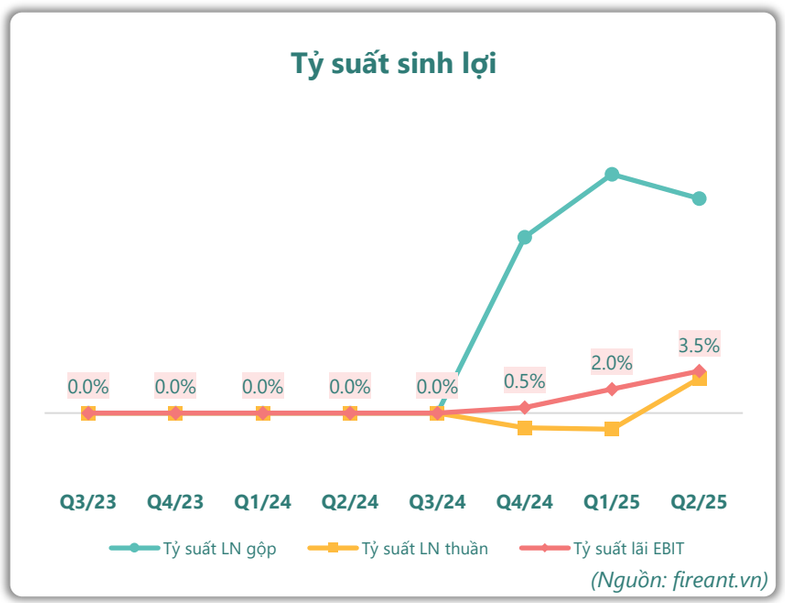

(Nguồn: fireant.vn)

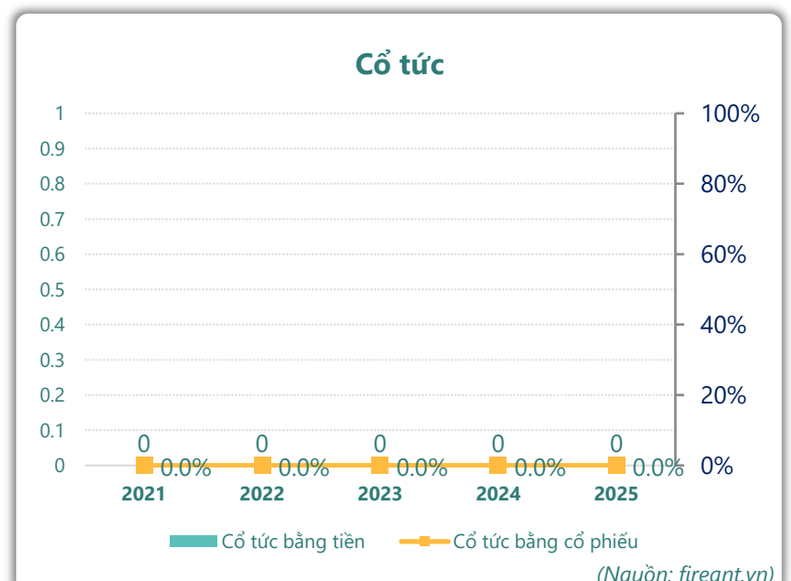

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

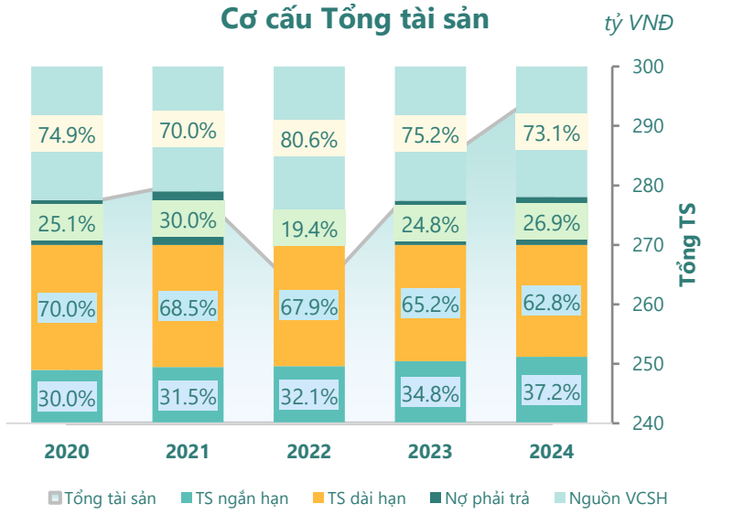

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

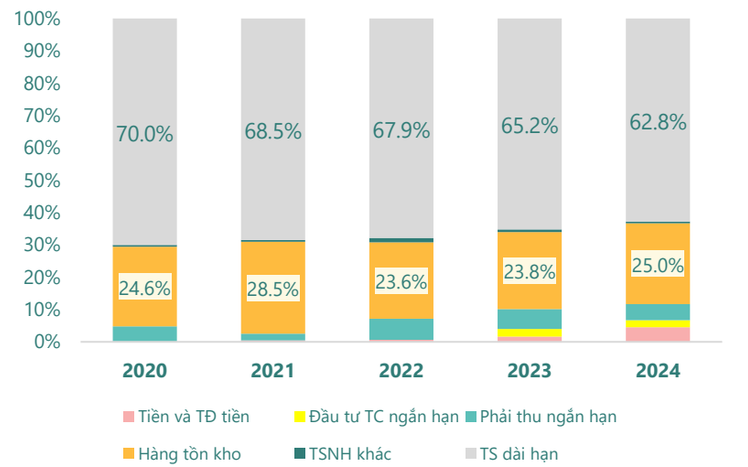

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

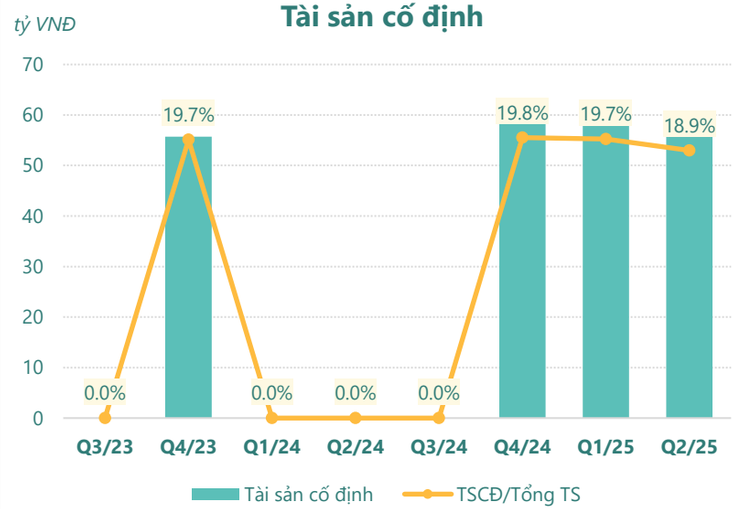

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

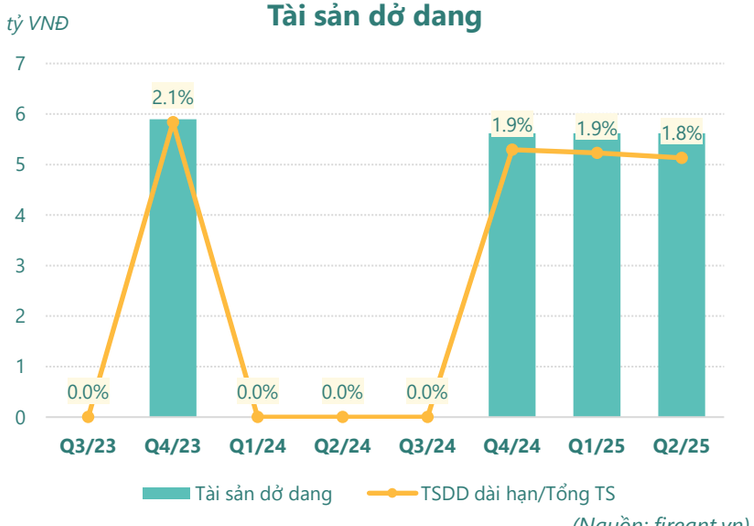

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

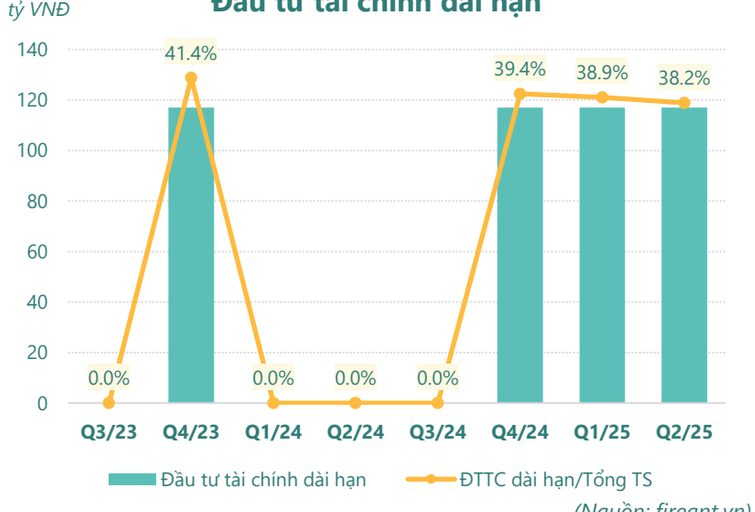

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

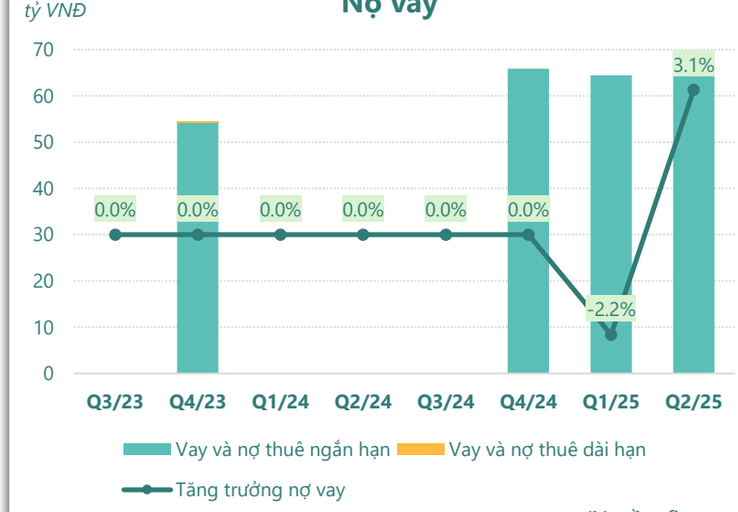

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

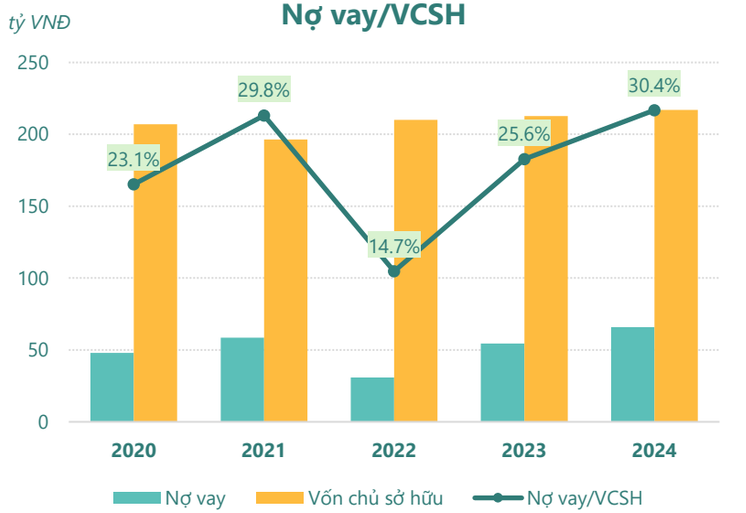

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

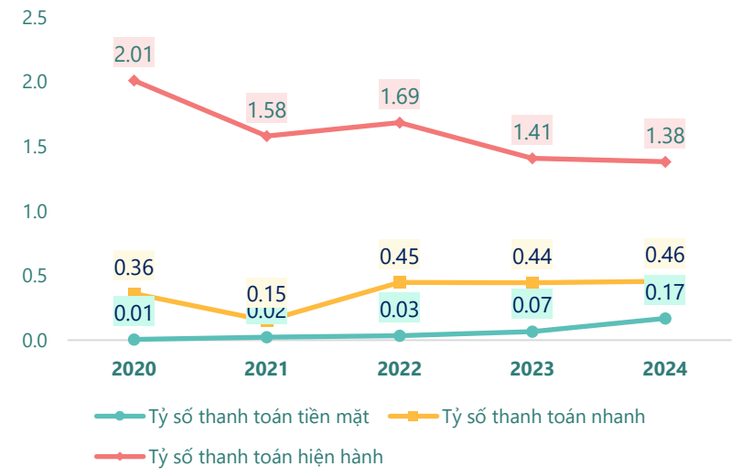

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

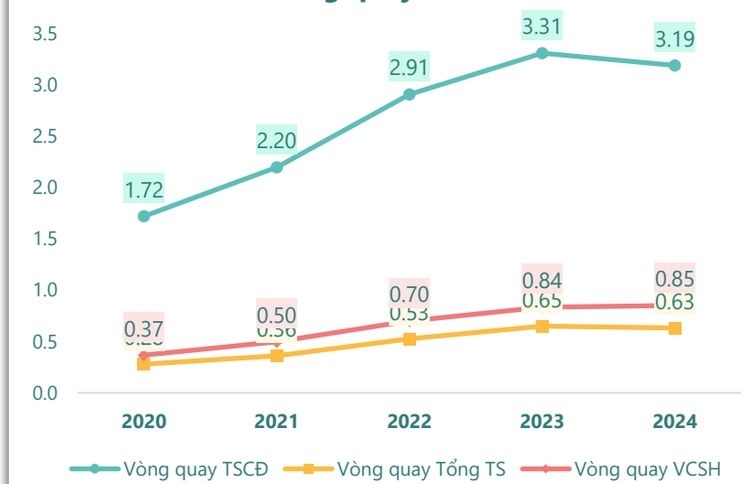

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

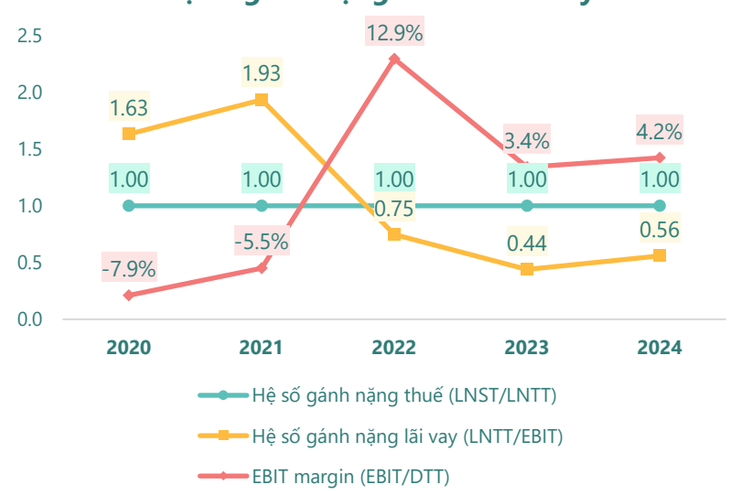

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

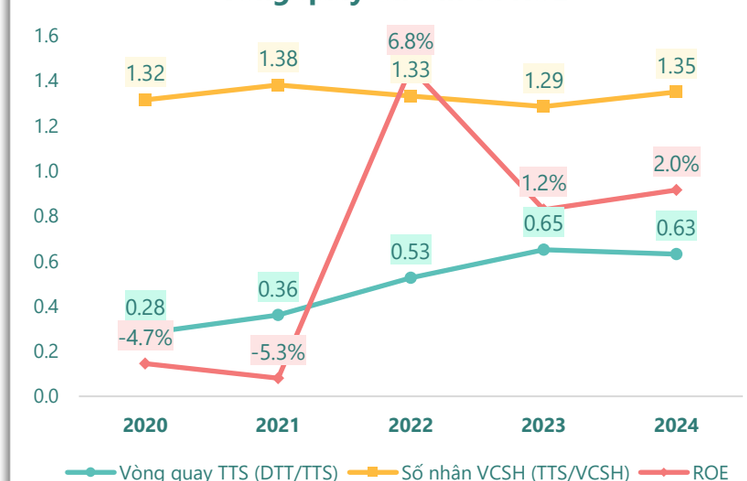

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

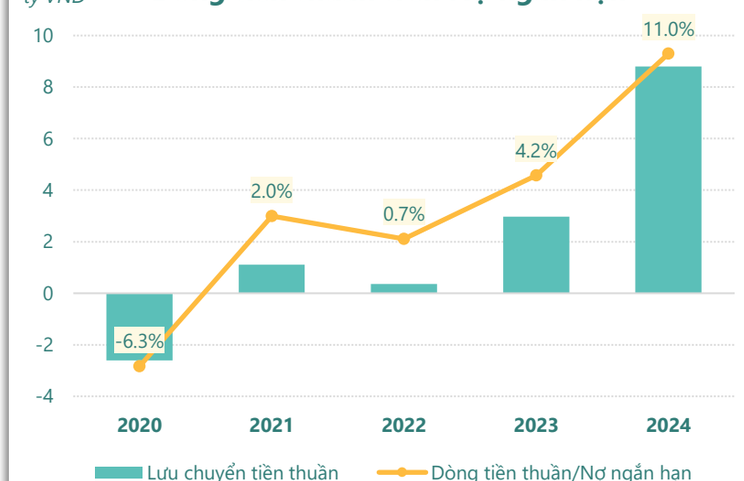

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**61.7**			**89.9**		
Giá vốn hàng bán	50.7			73.4		
Lợi nhuận gộp	10.9			16.5		
Doanh thu HĐTC	0.06			0.14		
Chi phí TC	1.04			1.98		
Chi phí lãi vay	1.04			1.98		
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**		
Chi phí bán hàng	4.98			7.48		
Chi phí QLDN	**3.22**			**5.79**		
LN thuần từ HĐKD	1.77			1.39		
Lợi nhuận khác	**-0.67**			**-0.67**		
LN trước thuế	1.10			0.72		
Lợi nhuận sau thuế	**0.82**			**0.44**		
LNST của CĐ cty mẹ	**0.82**			**0.44**		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	-8.31	1.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-1.66	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-1.42	2.02
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	13.5	2.07
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**-11.4**	**3.68**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	2.07	5.75

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**306**	**297**	**3.2%**
Tài sản ngắn hạn	121	111	9.3%
Tiền và tương đương tiền	5.75	13.5	-57.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.50	6.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	14.1	14.7	-3.7%
Hàng tồn kho	91.0	74.1	22.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.52	1.83	92.1%
Tài sản dài hạn	**186**	**186**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.0%
Tài sản cố định	58.0	58.9	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.62	5.62	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	117	117	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.58**	**4.44**	**3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.0	80.0	11.2%
Nợ ngắn hạn	**89.0**	**80.0**	**11.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.5	65.9	0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.2	7.24	96.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**217**	**217**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**217**	**217**	**0.2%**
Vốn điều lệ	237	237	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)